

Unit 3: CITIES OF THE FUTURE

TEST 2

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from that of the other three in pronunciation in each of the following questions.

Question 1: A. privacy B. limit C. device D. diversity

- A. privacy - /'praɪvəsi/
B. limit - /'lɪmɪt/
C. device - /dɪ'vaɪs/
D. diversity - /daɪ'vɜːrsəti/

Question 2: A. electric B. cycle C. service D. percent

- A. electric - /ɪ'lektɪk/
B. cycle - /'saɪkəl/
C. service - /'sɜːrvɪs/
D. percent - /pər'sent/

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of stress in each of the following questions.

Question 3: A. modern B. household C. private D. correct

- A. modern - /'mɒdərn/
B. household - /'haʊshəʊld/
C. private - /'praɪvɪt/
D. correct - /kə'rekt

Question 4: A. sustainable B. infrastructure C. economy D. pedestrian

- A. sustainable - /sə'steɪnəbl/
B. infrastructure - /'ɪnfɹə,strʌktʃər/
C. economy - /ɪ'kɒnəmi/
D. pedestrian - /pə'destrɪən/

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 5: In the future, advanced technology will help residents _____ with the effects of climate change.

A. cope B. pay C. make D. take

COPE WITH = ĐỐI MẶT VỚI

Question 6: The design of future cities will encourage people to _____ more with their environment through green spaces.

A. promote B. explain C. control D. interact

Thiết kế của các thành phố tương lai sẽ khuyến khích mọi người _____ nhiều hơn với môi trường của họ thông qua các không gian xanh.

- A. promote (thúc đẩy)
B. explain (giải thích)
C. control (kiểm soát)

D. interact (tương tác)

Question 7: Innovations in technology and infrastructure are essential to creating more _____ cities for the growing population

- A. definite B. livable C. interactive D. affordable

Những đổi mới trong công nghệ và cơ sở hạ tầng là điều cần thiết để tạo ra các thành phố _____ hơn cho dân số đang tăng trưởng.

- A. definite (rõ ràng)
B. livable (đáng sống)
C. interactive (tương tác)
D. affordable (phải chăng)

Question 8: Urban planning decisions today will have a lasting impact _____ the sustainability of cities in the future.

- A. for B. of C. on D. with

IMPACT ON = TÁC ĐỘNG LÊN

Question 9: Right now, I _____ spending time at the park, enjoying the fresh air.

- A. am loving B. love C. will love D. loves

Không chia thì hiện tại tiếp diễn với động từ "love"

Read the following advertisement/announcement and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 10 to 12.

🌟 **Introducing EcoRide – The Future of Urban Transportation!** 🌟

Tired of traffic jams and pollution in the city? Say hello to **EcoRide**, the revolutionary new way to get (10) _____ in your city, combining convenience, sustainability, and cutting-edge technology.



What is EcoRide?

EcoRide is a fleet of self-driving electric vehicles designed to make urban transportation easy, fast, and eco-friendly. Whether you're heading to work, running errands, or exploring the city, EcoRide has you covered!

Why Choose EcoRide?

- **Zero Emissions:** Our electric vehicles run on 100% renewable energy, (11) _____ your carbon footprint and helping to create a cleaner, greener city.
- **On-Demand Service:** With just a tap on our app, an EcoRide will be at your doorstep within minutes, ready to take you wherever you need to go.
- **Smart Routing:** Our AI-powered system optimizes your route, avoiding traffic and getting you to your (12) _____ faster.
- **Affordable & Flexible:** Choose from a range of ride options to suit your budget, from solo trips to shared rides. Pay only for what you use – no hidden fees!

Join us in making our city a cleaner, smarter, and more connected place to live. **EcoRide – Your Ride to a Greener Future.**

Question 10: A. from B. around C. on D. for

"Get around" có nghĩa là "di chuyển quanh" hoặc "đi lại." Trong ngữ cảnh này, "Say hello to EcoRide, the revolutionary new way to get **around** in your city" có nghĩa là "Hãy chào đón EcoRide, cách thức mới mang tính cách mạng để di chuyển quanh thành phố của bạn."

Question 11: A. reminding B. supporting C. reducing D. attending

"Zero Emissions: Our electric vehicles run on 100% renewable energy, **reducing** your carbon footprint and helping to create a cleaner, greener city."

"Không phát thải: Các phương tiện điện của chúng tôi chạy hoàn toàn bằng năng lượng tái tạo, giảm lượng khí thải carbon của bạn và góp phần tạo nên một thành phố sạch hơn, xanh hơn."

Question 12: A. healthcare B. tools C. measure D. destination

"Smart Routing: Our AI-powered system optimizes your route, avoiding traffic and getting you to your **destination** faster."

"Định tuyến thông minh: Hệ thống AI của chúng tôi tối ưu hóa lộ trình của bạn, tránh kẹt xe và đưa bạn đến **đích** nhanh hơn."

Announcement: Grand Opening of Future City 2050!

We are thrilled to announce the grand opening of **Future City 2050**, the city where innovation (13)_____ sustainability!

Date: September 1, 2050

Location: Future City Central Plaza

Join us as we unveil the most advanced smart city of the future. Explore our cutting-edge infrastructure, experience our green living spaces, and see firsthand(14)_____ technology is integrated into every aspect of urban life.

Be Part of the Future Today!

Don't miss this opportunity to witness the beginning of a new era in city living.

For more information and to RSVP, visit www.futurecity2050.com.

We look forward (15)_____ you to the city of tomorrow!

Question 13: A. see B. meet C. put D. take

"Meet" trong ngữ cảnh này có nghĩa là sự giao thoa hoặc kết hợp.

Question 14: A. what B. how C. when D. why

Khám phá cơ sở hạ tầng tiên tiến của chúng tôi, trải nghiệm không gian sống xanh, và chứng kiến tận mắt **cách** công nghệ được tích hợp vào mọi khía cạnh của cuộc sống đô thị.

Question 15: A. welcoming B. to welcoming C. welcome D. to welcome

LOOK FORWARD + TO VING + MONG ĐỢI

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct arrangement of the sentences to make a meaningful paragraph/letter in each of the following questions.

Question 16:

- The introduction of smart technologies in cities can help reduce traffic congestion and improve public transportation.
- In future cities, people are expected to live in more sustainable and eco-friendly environments.
- Additionally, urban areas will likely see an increase in green spaces and renewable energy sources.

d. As cities evolve, the quality of life for residents will continue to improve with better infrastructure and services.

e. Living in the city will become more efficient and convenient as technology advances.

A. e – d – c – b – a

B. b – e – c – a – d

C. b – d – e – a – c

D. e – a – c – b – d

Câu b giới thiệu về kỳ vọng rằng trong các thành phố tương lai, con người sẽ sống trong môi trường bền vững và thân thiện với môi trường hơn. Câu e tiếp tục chủ đề về sự hiệu quả và tiện lợi trong cuộc sống ở thành phố nhờ vào tiến bộ công nghệ. Câu c nói về sự gia tăng không gian xanh và nguồn năng lượng tái tạo trong các khu vực đô thị. Câu a bổ sung về việc giới thiệu các công nghệ thông minh giúp giảm tắc nghẽn giao thông và cải thiện giao thông công cộng. Cuối cùng, câu d kết luận về việc chất lượng cuộc sống của cư dân sẽ tiếp tục được cải thiện nhờ hạ tầng và dịch vụ tốt hơn.

Question 17:

a. Moreover, these advancements will lead to a higher quality of life for residents.

b. In the future, cities will rely heavily on renewable energy sources and smart infrastructure.

c. As technology continues to evolve, the design and functionality of cities will transform significantly.

d. For example, smart grids and energy-efficient buildings will become the norm.

e. Dear residents, as we look toward the future, it's clear that urban living will undergo substantial changes.

A. e – b – d – c – a

B. e – c – b – d – a

C. e – c – a – b – d

D. e – b – a – d – c

Câu e mở đầu với lời chào và giới thiệu về những thay đổi đáng kể mà cuộc sống đô thị sẽ trải qua trong tương lai. Câu c tiếp tục phát triển chủ đề này bằng cách nói về sự tiến hóa của công nghệ và cách thiết kế và chức năng của các thành phố sẽ biến đổi. Câu b đề cập đến việc các thành phố sẽ phụ thuộc nhiều vào nguồn năng lượng tái tạo và cơ sở hạ tầng thông minh. Câu d đưa ra ví dụ về việc các lưới điện thông minh và các tòa nhà tiết kiệm năng lượng sẽ trở thành tiêu chuẩn. Cuối cùng, câu a kết luận về việc những tiến bộ này sẽ mang lại chất lượng cuộc sống cao hơn cho cư dân.

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 18 to 23.

The concept of the smart city gained relevant success in the last years and it (18)_____ as the model for the city of the future. It represents a model of development of the city, in which the use of different types of technologies and infrastructures has the aim to provide an improvement in the quality of life of citizens and support the environment in a sustainable manner. It is a multi-level approach that wants to reduce the negative effects of urbanization processes and at the same time maximize the benefits of a modern, connected and informed city. (19)_____ and actions to implement, that goes beyond to the simple establishment of the latest technologies.

At the base of the smart city, there is the so-called smart grid, which is an intelligent network that provides efficient management of the energy supply and storage inside the city. (20)_____, the city is able (21)_____ about the consumption and demand for energy and at the same time connect all the main actors of the smart cities: businesses, governments, citizens, energy producers, in a multi-faced network. The intelligent use of technology is only the starting point, the collection and information processing leads to a numerous type of applications inside the urban center: an intelligent management of the urban lights, systems of smart parking or traffic management, an increased level in education and culture, the efficient waste and water management, the control of air pollution, the possibility to connect your device with the smart home and the construction of safer and smarter buildings and many others. (22)_____, we can run into a myriad of different aspects: green economy, internet of things, security of building in case of weather events, autonomous vehicles, social inclusion (23)_____ only to provide some examples.

Question 18: A. is usually mentioned

B. is mentioned usually

C. usually mentioned

D. usually is mentioned

"is usually mentioned" là câu bị động, với trạng từ "usually" đứng trước động từ "mentioned" và sau động từ tobe để chỉ tần suất.

Question 19: A. This is included many aspects

B. Including

C. Which includes many aspects

D. This includes many aspects

Câu A không đúng ngữ pháp. Động từ "is included" (bị động) không phù hợp với ý muốn truyền đạt, vì chủ ngữ "This" cần một động từ chủ động để diễn tả rằng mô hình này bao gồm nhiều khía cạnh.

Câu B là một phân từ hiện tại và cần một câu chủ động trước đó để nó trở thành một mệnh đề phụ. Trong ngữ cảnh này, không có câu chủ động nào để "including" dựa vào, nên nó không hoàn chỉnh về ngữ pháp.

Câu C có "Which" thường được dùng để bổ nghĩa cho danh từ ngay trước nó, nhưng ở đây không có danh từ nào để bổ nghĩa trước từ "which," nên không phù hợp.

Câu D có nghĩa là "Điều này bao gồm nhiều khía cạnh". Đây là lựa chọn phù hợp nhất vì nó tiếp tục giải thích về các phương diện khác nhau mà mô hình thành phố thông minh bao gồm, làm rõ rằng mô hình này không chỉ đơn thuần là về việc áp dụng công nghệ mới nhất, mà còn bao gồm nhiều yếu tố khác nhau để tạo ra một thành phố hiện đại và bền vững.

Question 20: A. Through this system

B. For this system

C. On this system

D. This system

"Through this system" (Thông qua hệ thống này) là lựa chọn phù hợp nhất vì nó giải thích cách mà hệ thống thông minh quản lý năng lượng và kết nối các thành phần chính trong thành phố thông minh.

Question 21: A. collecting any information

B. to collect any information

C. to collect little information

D. collecting little information

"Able to" cần được theo sau bởi động từ nguyên thể, nên "to collect any information" là lựa chọn đúng.

Question 22: A. While we are reading about the smart city

B. Because we read about the smart city

C. Though we read about the smart city

D. When we read about the smart city

"When we read about the smart city" (Khi chúng ta đọc về thành phố thông minh) phù hợp nhất về nghĩa vì nó chỉ ra rằng khi chúng ta đọc về thành phố thông minh, chúng ta sẽ gặp nhiều khía cạnh khác nhau.

Question 23: A. or the use of renewable resources

B. with the use of renewable resources

C. but the use of renewable resources

D. regardless of the use of renewable resources

"Or the use of renewable resources" là lựa chọn đúng vì nó đưa ra một ví dụ khác mà không phải là bổ sung thêm một ý. Cấu trúc "or" được sử dụng khi liệt kê các tùy chọn hoặc ví dụ khác nhau, phù hợp với ngữ cảnh của câu.

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 24 to 28.

Smart cities improve the usage of resources such as electricity or water by predicting their demand. (24) _____ sensors are installed inside commercial and residential buildings like smart meters,

they can analyze the amount of energy consumed, central management systems are able to (25) _____ patterns and demand, thus limiting wasted resources.

Transportation can be made more efficient with connected traffic management systems and new types of mobility, (26) _____ of which include shared vehicles (cars, bikes, e-scooters). Trains, trams, buses, or taxis can inform citizens of precise arrival times and delays, meaning people will waste less time waiting for transportation. Additionally, these shared vehicles can help reduce the number of cars on the street and improve the flow of traffic.

(27) _____ such as streets, bridges, and buildings can be made safer and cheaper to maintain. With sensors installed throughout the structure, (28) _____ use AI data analysis, maintenance issues can be predicted before they occur. Therefore, these problems can be repaired or rebuilt without causing serious damage to the infrastructure or risking the safety of citizens.

Reference: smart-city

Question 24: A. Although B. However C. Because of **D. Because**

Thành phố thông minh cải thiện việc sử dụng các nguồn tài nguyên như điện hoặc nước bằng cách dự đoán nhu cầu của chúng. **Bởi vì** các cảm biến được lắp đặt bên trong các tòa nhà thương mại và dân cư như đồng hồ thông minh, chúng có thể phân tích lượng năng lượng tiêu thụ, và các hệ thống quản lý trung tâm có thể dự đoán các mẫu và nhu cầu, từ đó hạn chế lãng phí tài nguyên.

Question 25: A. increase **B. predict** C. produce D. manage

... các hệ thống quản lý trung tâm có thể **dự đoán** các mẫu và nhu cầu, từ đó hạn chế lãng phí tài nguyên.

Question 26: **A. many** B. much C. each D. some

Giao thông có thể trở nên hiệu quả hơn với các hệ thống quản lý giao thông kết nối và các loại hình di chuyển mới, nhiều trong số đó bao gồm các phương tiện chia sẻ (xe hơi, xe đạp, xe scooter điện tử).

Question 27: A. Transformation **B. Infrastructure** C. Individual D. Access

Cơ sở hạ tầng như đường phố, cầu cống và tòa nhà có thể được làm cho an toàn hơn và rẻ hơn để duy trì.

Question 28: A. who B. whose C. whom **D. which**

Với các cảm biến được lắp đặt khắp cấu trúc, **cái mà** sử dụng phân tích dữ liệu AI, các vấn đề bảo trì có thể được dự đoán trước khi chúng xảy ra.

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions from 29 to 33.

Vietnam is rapidly advancing in smart city development, with efforts **accelerating** due to the COVID-19 pandemic and increasing awareness of the importance of sustainable urban spaces. Major cities like Ho Chi Minh City, Hanoi, Da Nang, and Can Tho are leading the way, developing smart city frameworks and gradually transforming city services. The government's Decision No. 749/QĐ-TTĐ, approved in 2021, provides guidelines for provinces and municipalities to formulate their smart city roadmaps. However, while smaller cities like Da Nang benefit from clear paths to smart development, established metropolitan areas such as Ho Chi Minh City and Hanoi face challenges due to existing infrastructure.

Ho Chi Minh City has prioritized its smart city transformation with four key tasks: creating a shared database, establishing a simulation and forecasting center, developing a smart administration center, and enhancing information security. Initiatives like the Smart Urban Operation Center, **which** is supported by U.S. partners, and the Simulation Division for traffic management, highlight the city's commitment to integrating technology into its urban planning. The city is also fostering innovation by encouraging the use of open data ecosystems, providing accessible data on health, transport, and the environment for public and private use.

In addition to city-wide initiatives, district-level smart projects like Saigon Sports City and Thu Thiem Lotte Eco Smart City are underway in Ho Chi Minh City. These projects incorporate smart security, mobility, and environmental solutions, along with innovations such as green energy technology, intelligent buildings, and waste treatment systems. These developments reflect Vietnam's commitment to creating sustainable, high-tech urban areas, with collaboration between domestic and foreign partners playing a crucial role in this transformation.

Through these initiatives, Vietnam is positioning itself as a leader in smart city development, with a strong focus on sustainability and technological innovation across its key urban areas.

Reference: ycpsolidiance

Question 29: What would be the best title for the passage?

- A. The Challenges of Urban Development in Vietnam
- B. The Role of Foreign Investment in Vietnam's Growth
- C. Vietnam's Path to Smart City Development
- D. The Impact of COVID-19 on Vietnam's Economy

Tiêu đề nào là phù hợp nhất cho đoạn văn?

- A. **The Challenges of Urban Development in Vietnam** (Những thách thức trong phát triển đô thị ở Việt Nam)
- B. **The Role of Foreign Investment in Vietnam's Growth** (Vai trò của đầu tư nước ngoài trong sự phát triển của Việt Nam)
- C. **Vietnam's Path to Smart City Development** (Con đường phát triển thành phố thông minh của Việt Nam)
- D. **The Impact of COVID-19 on Vietnam's Economy** (Tác động của COVID-19 đối với nền kinh tế Việt Nam)

Đoạn văn mô tả chi tiết về việc phát triển các thành phố thông minh ở Việt Nam, nhấn mạnh các sáng kiến và sự phát triển trong các thành phố lớn. Do đó, tiêu đề C là phù hợp nhất.

Question 30: What does the word "accelerating" in the passage mostly mean?

- A. slowing down
- B. speeding up
- C. stopping
- D. delaying

Từ "accelerating" trong đoạn văn chủ yếu có nghĩa là gì?

- A. **Slowing down** (Chậm lại)
- B. **Speeding up** (Tăng tốc)
- C. **Stopping** (Dừng lại)
- D. **Delaying** (Trì hoãn)

Từ "accelerating" trong ngữ cảnh nói về việc thúc đẩy phát triển các thành phố thông minh do tác động của đại dịch COVID-19: "Vietnam is rapidly advancing in smart city development, with efforts accelerating due to the COVID-19 pandemic..." (Việt Nam đang nhanh chóng tiến bộ trong phát triển thành phố thông minh, với các nỗ lực đang được tăng tốc do đại dịch COVID-19...).

Question 31: What does the word "which" in paragraph 2 refer to?

- A. Smart Urban Operation Center
- B. Simulation Division
- C. Ho Chi Minh City
- D. government's Decision

Từ "which" trong đoạn 2 ám chỉ điều gì?

- A. **Smart Urban Operation Center** (Trung tâm vận hành đô thị thông minh)
- B. **Simulation Division** (Phòng mô phỏng)
- C. **Ho Chi Minh City** (Thành phố Hồ Chí Minh)
- D. **government's Decision** (Quyết định của chính phủ)

Từ "which" trong đoạn 2 đề cập đến "Smart Urban Operation Center": "Initiatives like the Smart Urban Operation Center, which is supported by U.S. partners, highlight the city's commitment to integrating technology into its urban planning." (Các sáng kiến như Trung tâm Vận hành Đô thị Thông minh, được hỗ trợ bởi các đối tác Hoa Kỳ, nhấn mạnh cam kết của thành phố trong việc tích hợp công nghệ vào quy hoạch đô thị của mình).

Question 32: Which of the following statements is **TRUE** according to the passage?

- A. Smaller cities like Da Nang are facing more challenges in smart city development than Ho Chi Minh City.
- B. Ho Chi Minh City's smart city transformation includes a project for a new public transportation system.
- C. The development of Saigon Sports City is part of Ho Chi Minh City's smart city initiatives.**
- D. The Vietnamese government has not yet approved any guidelines for smart city development.

Câu nào sau đây là **ĐÚNG** theo đoạn văn?

- A. **Smaller cities like Da Nang are facing more challenges in smart city development than Ho Chi Minh City.** (Các thành phố nhỏ hơn như Đà Nẵng đang đối mặt với nhiều thách thức hơn trong phát triển thành phố thông minh so với Thành phố Hồ Chí Minh.)
 - B. **Ho Chi Minh City's smart city transformation includes a project for a new public transportation system.** (Quá trình chuyển đổi thành phố thông minh của Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm một dự án về hệ thống giao thông công cộng mới.)
 - C. **The development of Saigon Sports City is part of Ho Chi Minh City's smart city initiatives.** (Sự phát triển của Saigon Sports City là một phần trong các sáng kiến thành phố thông minh của Thành phố Hồ Chí Minh.)
 - D. **The Vietnamese government has not yet approved any guidelines for smart city development.** (Chính phủ Việt Nam chưa phê duyệt bất kỳ hướng dẫn nào cho việc phát triển thành phố thông minh.)
- Dẫn chứng:** Đoạn văn đề cập rằng Saigon Sports City là một phần của các dự án cấp quận trong sáng kiến thành phố thông minh của Thành phố Hồ Chí Minh: "In addition to city-wide initiatives, district-level smart projects like Saigon Sports City... are underway in Ho Chi Minh City." (Ngoài các sáng kiến trên toàn thành phố, các dự án thông minh cấp quận như Saigon Sports City... đang được thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh).

Question 33: According to the passage, what challenge do established metropolitan areas like Ho Chi Minh City face?

- A. Lack of government support
- B. Outdated technologies
- C. Existing infrastructure**
- D. Insufficient funding

Theo đoạn văn, thách thức nào mà các khu vực đô thị đã thành lập như Thành phố Hồ Chí Minh đang phải đối mặt?

- A. **Lack of government support** (Thiếu sự hỗ trợ của chính phủ)
- B. **Outdated technologies** (Công nghệ lỗi thời)
- C. **Existing infrastructure** (Cơ sở hạ tầng hiện có)
- D. **Insufficient funding** (Thiếu vốn)

Dẫn chứng: Đoạn văn nói rằng các khu vực đô thị đã thành lập như Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội gặp phải khó khăn do cơ sở hạ tầng hiện tại: "However, while smaller cities like Da Nang benefit from clear paths to smart development, established metropolitan areas such as Ho Chi Minh City and Hanoi face challenges due to existing infrastructure." (Tuy nhiên, trong khi các thành phố nhỏ hơn như Đà Nẵng có lợi thế từ các con đường rõ ràng cho phát triển thông minh, các khu vực đô thị đã thành lập như Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội đang đối mặt với thách thức do cơ sở hạ tầng hiện có).

Việt Nam đang tiến nhanh trong phát triển thành phố thông minh, với những nỗ lực được tăng tốc do đại dịch COVID-19 và nhận thức ngày càng tăng về tầm quan trọng của không gian đô thị bền vững. Các thành phố lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng và Cần Thơ đang dẫn đầu, phát triển các khuôn khổ thành phố thông minh và dần dần chuyển đổi các dịch vụ thành phố. Quyết định số 749/QĐ-TTG của chính phủ, được phê duyệt vào năm 2021, cung cấp hướng dẫn cho các tỉnh và thành phố trong việc xây dựng lộ trình thành phố thông minh của họ. Tuy nhiên, trong khi các thành phố nhỏ hơn như Đà Nẵng được hưởng lợi từ các con đường phát triển thông minh rõ ràng, các khu đô thị lớn như Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội phải đối mặt với thách thức do cơ sở hạ tầng hiện có.

Thành phố Hồ Chí Minh đã ưu tiên việc chuyển đổi thành phố thông minh của mình với bốn nhiệm vụ chính: tạo cơ sở dữ liệu chung, thành lập trung tâm mô phỏng và dự báo, phát triển trung tâm hành chính thông minh và nâng cao an ninh thông tin. Các sáng kiến như Trung tâm Vận hành Đô thị Thông minh, được hỗ trợ bởi các đối tác Hoa Kỳ, và Phòng Mô phỏng Quản lý Giao thông, nêu bật cam kết của thành phố trong việc tích hợp công nghệ vào quy hoạch đô thị của mình. Thành phố cũng đang thúc đẩy đổi mới bằng cách khuyến khích sử dụng hệ sinh thái dữ liệu mở, cung cấp dữ liệu dễ tiếp cận về y tế, giao thông và môi trường cho việc sử dụng công cộng và tư nhân.

Ngoài các sáng kiến toàn thành phố, các dự án thông minh cấp quận như Saigon Sports City và Thu Thiem Lotte Eco Smart City đang được triển khai tại Thành phố Hồ Chí Minh. Các dự án này kết hợp các giải pháp an ninh thông minh, di chuyển và môi trường, cùng với các đổi mới như công nghệ năng lượng xanh, các tòa nhà thông minh và hệ thống xử lý chất thải. Những phát triển này phản ánh cam kết của Việt Nam trong việc tạo ra các khu vực đô thị bền vững, công nghệ cao, với sự hợp tác giữa các đối tác trong nước và nước ngoài đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển đổi này.

Thông qua các sáng kiến này, Việt Nam đang định vị mình như một nhà lãnh đạo trong phát triển thành phố thông minh, với trọng tâm mạnh mẽ vào tính bền vững và đổi mới công nghệ trên các khu vực đô thị quan trọng của mình.

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions from 34 to 40.

By 2050, cities around the world will undergo **dramatic** transformations driven by population growth and technological advancements. With the global population expected to exceed 9 billion, nearly 75% of people will live in urban areas. Cities will be reimagined with towering skyscrapers, multi-story roads, and interconnected skywalks. The lack of green spaces will lead to the creation of "concrete forests," where large buildings will not only house residents but also serve as vertical farms to meet food demands.

Urban infrastructure will see significant advancements as technology becomes deeply integrated into city life. Buildings will be equipped with smart systems for energy efficiency, and artificial intelligence will manage everything from traffic flow to public safety. Self-driving cars and flying vehicles, controlled by advanced computer systems, will become commonplace, reducing the risk of accidents and making transportation more efficient.

Environmental concerns will shape the future of cities, with a shift away from fossil fuels to alternative energy sources like hydrogen, solar, and wind. Smart cities will be designed to minimize their ecological footprint, incorporating green technology and sustainable practices to combat the challenges of climate change, including rising sea levels that threaten coastal areas.

The integration of 3D printing technology will **revolutionize** urban construction, allowing for rapid production of building materials and even entire structures. This will enable cities to expand and adapt quickly to the needs of their growing populations. Additionally, the development of interactive holograms and virtual reality will transform urban entertainment and communication, creating immersive experiences within the cityscape.

As cities continue to evolve, driven by rapid technological advancements and shifting societal needs, **they** will undergo significant transformations that will redefine urban living. These changes will not only

alter the physical landscape of cities but also revolutionize the way we interact with our environment and each other. The future of urban life in 2050 promises to be a blend of innovation and adaptation, as cities rise to meet the challenges and opportunities of a rapidly changing world.

Reference: chathamhouse

Question 34: What is the main idea of the passage?

- A. The decline of rural areas by 2050
- B. The transformation of cities**
- C. The challenges of environmental pollution
- D. The development of vertical farms in urban areas

Ý chính của đoạn văn là gì?

- A. **The decline of rural areas by 2050** (Sự suy giảm của các khu vực nông thôn vào năm 2050)
- B. **The transformation of cities** (Sự biến đổi của các thành phố)
- C. **The challenges of environmental pollution** (Những thách thức của ô nhiễm môi trường)
- D. **The development of vertical farms in urban areas** (Sự phát triển của các trang trại thẳng đứng ở khu vực đô thị)

Đoạn văn tập trung vào việc mô tả sự biến đổi của các thành phố do sự tăng trưởng dân số và tiến bộ công nghệ: "By 2050, cities around the world will undergo dramatic transformations driven by population growth and technological advancements." (Đến năm 2050, các thành phố trên khắp thế giới sẽ trải qua những biến đổi lớn được thúc đẩy bởi sự tăng trưởng dân số và những tiến bộ công nghệ.)

Tài liệu bản word phát hành trên website Tailieuchuan.vn

Question 35: The word "**dramatic**" in paragraph 1 is opposite in meaning to _____.

- A. gradual
- B. sudden
- C. remarkable
- D. insignificant**

Từ "dramatic" trong đoạn 1 có trái nghĩa với từ nào?

- A. **Gradual** (Dần dần)
- B. **Sudden** (Đột ngột)
- C. **Remarkable** (Đáng kể)
- D. **Insignificant** (Không đáng kể)

Từ "dramatic" trong ngữ cảnh này có nghĩa là "đáng kể" hoặc "lớn lao," ám chỉ những biến đổi lớn của các thành phố.

Question 36: According to the passage, what is one of the environmental changes expected in cities by 2050?

- A. Cities will primarily rely on coal for energy.
- B. Green spaces in cities will increase significantly.
- C. Cities will shift from fossil fuels to alternative energy sources**
- D. Urban areas will stop using any form of energy by 2050.

Theo đoạn văn, một trong những thay đổi về môi trường dự kiến sẽ xảy ra ở các thành phố vào năm 2050 là gì?

- A. **Cities will primarily rely on coal for energy.**
(Các thành phố sẽ chủ yếu dựa vào than để cung cấp năng lượng.)
- B. **Green spaces in cities will increase significantly.**
(Không gian xanh trong các thành phố sẽ tăng lên đáng kể.)
- C. **Cities will shift from fossil fuels to alternative energy sources like hydrogen, solar, and wind.**
(Các thành phố sẽ chuyển từ nhiên liệu hóa thạch sang các nguồn năng lượng thay thế như hydro, năng lượng mặt trời và gió.)
- D. **Urban areas will stop using any form of energy by 2050.**
(Các khu vực đô thị sẽ ngừng sử dụng bất kỳ hình thức năng lượng nào vào năm 2050.)

Dẫn chứng: Đoạn văn nói rằng: "Environmental concerns will shape the future of cities, with a shift away from fossil fuels to alternative energy sources like hydrogen, solar, and wind."
(Các mối quan tâm về môi trường sẽ định hình tương lai của các thành phố, với việc chuyển từ nhiên liệu hóa thạch sang các nguồn năng lượng thay thế như hydro, năng lượng mặt trời và gió.)

Question 37: The word "revolutionize" in paragraph 4 is closest in meaning to _____.

- A. change** **B. build** **C. reuse** **D. transport**

Từ "revolutionize" trong đoạn 4 có nghĩa gần nhất với từ nào?

- A. change** (thay đổi)
B. build (xây dựng)
C. reuse (tái sử dụng)
D. transport (vận chuyển)

Từ "revolutionize" có nghĩa là "cách mạng hóa" hoặc "làm thay đổi hoàn toàn." Từ đồng nghĩa gần nhất với "revolutionize" trong các lựa chọn trên là "change" (thay đổi).

Question 38: Which of the following statements is **TRUE** according to the passage?

- A.** Traditional cars will still be the main mode of transportation in 2050.
B. Cities will be designed to reduce their ecological footprint.
C. Urban areas will rely solely on fossil fuels by 2050.
D. Buildings in 2050 will not use any form of smart technology.

Câu nào sau đây là ĐÚNG theo đoạn văn?

- A. Traditional cars will still be the main mode of transportation in 2050.** (Xe hơi truyền thống vẫn sẽ là phương tiện di chuyển chính vào năm 2050.)
B. Cities will face challenges in managing their ecological footprint. (Các thành phố sẽ đối mặt với những thách thức trong việc quản lý dấu chân sinh thái của họ.)
C. Urban areas will rely solely on fossil fuels by 2050. (Các khu vực đô thị sẽ chỉ phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch vào năm 2050.)
D. Buildings in 2050 will not use any form of smart technology. (Các tòa nhà vào năm 2050 sẽ không sử dụng bất kỳ công nghệ thông minh nào.)

Dẫn chứng: Đoạn văn nói rằng các thành phố thông minh sẽ được thiết kế để giảm thiểu dấu chân sinh thái: "Smart cities will be designed to minimize their ecological footprint, incorporating green technology and sustainable practices to combat the challenges of climate change." (Các thành phố thông minh sẽ được thiết kế để giảm thiểu dấu chân sinh thái của họ, tích hợp công nghệ xanh và các biện pháp bền vững để đối phó với những thách thức của biến đổi khí hậu.)

Question 39: The word "they" in paragraph 5 refers to _____.

- A. cities** **B. advancements** **C. transformations** **D. changes**

Từ "they" trong đoạn 5 ám chỉ điều gì?

- A. cities** (các thành phố)
B. advancements (những tiến bộ)
C. transformations (những biến đổi)
D. changes (những thay đổi)

Trong đoạn 5, từ "they" được sử dụng để chỉ "cities" khi đoạn văn nói về cách các thành phố sẽ tiếp tục phát triển: "As cities continue to evolve, driven by rapid technological advancements and shifting societal needs, they will undergo significant transformations that will redefine urban living. **They** will become more interconnected, sustainable, and technologically advanced..." (Khi các thành phố tiếp tục phát triển, được thúc đẩy bởi những tiến bộ công nghệ nhanh chóng và nhu cầu xã hội thay đổi, chúng sẽ trải qua những biến

đổi lớn sẽ định nghĩa lại cuộc sống đô thị. **Chúng** sẽ trở nên kết nối chặt chẽ hơn, bền vững hơn và tiên tiến hơn về mặt công nghệ...).

Question 40: It can be inferred from the passage that by 2050, _____.

- A. Rural areas will see a significant population increase
- B. Cities will have fully adapted to the challenges of climate change
- C. Technological advancements will completely eliminate the need for human labor
- D. The physical and social landscape of cities will be fundamentally altered**

Có thể suy ra từ đoạn văn rằng vào năm 2050, _____.

- A. Rural areas will see a significant population increase** (Các khu vực nông thôn sẽ chứng kiến sự gia tăng dân số đáng kể)
- B. Cities will have fully adapted to the challenges of climate change** (Các thành phố sẽ hoàn toàn thích nghi với những thách thức của biến đổi khí hậu)
- C. Technological advancements will completely eliminate the need for human labor** (Tiến bộ công nghệ sẽ hoàn toàn loại bỏ nhu cầu về lao động con người)
- D. The physical and social landscape of cities will be fundamentally altered** (Cảnh quan hiện thực và xã hội của các thành phố sẽ thay đổi cơ bản)

Dẫn chứng: Đoạn văn nói về những thay đổi lớn sẽ xảy ra trong các thành phố, bao gồm cả cảnh quan hiện thực và cách thức tương tác xã hội: "As cities continue to evolve, driven by rapid technological advancements and shifting societal needs, they will undergo significant transformations that will redefine urban living." (Khi các thành phố tiếp tục phát triển, được thúc đẩy bởi những tiến bộ công nghệ nhanh chóng và nhu cầu xã hội thay đổi, chúng sẽ trải qua những biến đổi lớn sẽ định nghĩa lại cuộc sống đô thị.)

Đến năm 2050, các thành phố trên khắp thế giới sẽ trải qua những biến đổi đáng kể được thúc đẩy bởi sự gia tăng dân số và tiến bộ công nghệ. Với dân số toàn cầu dự kiến vượt quá 9 tỷ người, gần 75% dân số sẽ sống ở các khu vực đô thị. Các thành phố sẽ được tái hình dung với các tòa nhà chọc trời cao ngất, những con đường nhiều tầng và những lối đi trên cao kết nối với nhau. Sự thiếu hụt không gian xanh sẽ dẫn đến việc tạo ra các "rừng bê tông", nơi mà các tòa nhà lớn không chỉ là nơi ở của cư dân mà còn phục vụ như những trang trại thẳng đứng để đáp ứng nhu cầu thực phẩm.

Cơ sở hạ tầng đô thị sẽ chứng kiến những tiến bộ đáng kể khi công nghệ trở nên gắn kết sâu sắc vào đời sống thành phố. Các tòa nhà sẽ được trang bị các hệ thống thông minh để tiết kiệm năng lượng, và trí tuệ nhân tạo sẽ quản lý mọi thứ từ luồng giao thông đến an toàn công cộng. Xe tự lái và phương tiện bay, được điều khiển bởi các hệ thống máy tính tiên tiến, sẽ trở nên phổ biến, giảm thiểu nguy cơ tai nạn và làm cho việc di chuyển trở nên hiệu quả hơn.

Những mối quan tâm về môi trường sẽ định hình tương lai của các thành phố, với việc chuyển từ nhiên liệu hóa thạch sang các nguồn năng lượng thay thế như hydro, năng lượng mặt trời và gió. Các thành phố thông minh sẽ được thiết kế để giảm thiểu dấu chân sinh thái của chúng, kết hợp công nghệ xanh và các thực tiễn bền vững để đối phó với các thách thức của biến đổi khí hậu, bao gồm cả mực nước biển dâng cao đe dọa các khu vực ven biển. Việc tích hợp công nghệ in 3D sẽ cách mạng hóa việc xây dựng đô thị, cho phép sản xuất nhanh các vật liệu xây dựng và thậm chí cả các cấu trúc hoàn chỉnh. Điều này sẽ giúp các thành phố mở rộng và thích ứng nhanh chóng với nhu cầu của dân số đang tăng trưởng. Ngoài ra, sự phát triển của các hình ảnh ba chiều tương tác và thực tế ảo sẽ biến đổi giải trí và giao tiếp đô thị, tạo ra những trải nghiệm đắm chìm trong cảnh quan thành phố.

Khi các thành phố tiếp tục phát triển, được thúc đẩy bởi những tiến bộ công nghệ nhanh chóng và những nhu cầu xã hội đang thay đổi, chúng sẽ trải qua những biến đổi đáng kể tái định nghĩa cuộc sống đô thị. Những thay đổi này không chỉ làm thay đổi cảnh quan vật lý của các thành phố mà còn cách mạng hóa cách chúng ta tương tác với môi trường và với nhau. Tương lai của cuộc sống đô thị vào năm 2050 hứa hẹn sẽ là

sự kết hợp giữa đổi mới và thích ứng, khi các thành phố vươn lên để đối mặt với những thách thức và cơ hội của một thế giới đang thay đổi nhanh chóng.